

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phan Thanh Long.

+ Ông Đặng Hữu Lộc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bạch T, SN: 1991

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh B Đ

- Bị đơn: Anh Bùi Quang K, SN: 1982

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh B Đ

(Chị T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Bạch T trình bày:

Chị với anh Bùi Quang K tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 26/3/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến khi sinh được hai người con thì phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng cố gắng để nín nhịn kéo dài tình cảm nhưng mâu thuẫn không được cải thiện mà ngày càng nghiêm trọng hơn. Từ năm 2022 cho đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay vợ chồng chỉ phần ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Quang K.

Chị với anh Bùi Quang K có 02 người con chung tên là Bùi Thị Thùy T, sinh ngày 23/11/2009 và Bùi Thị N, sinh ngày 29/01/2016. Hiện nay sức khỏe các cháu phát triển bình thường, cháu T đang ở với chị, còn cháu N đang ở với anh K. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi cháu T, giao cháu N cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Bùi Quang K trình bày:*

Anh với chị Trần Thị Bạch T tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 26/3/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Trong cuộc sống chung vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau nhưng không đến mức nghiêm trọng, vợ chồng tự hòa giải được. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và hay xảy ra cãi vã. Hiện nay vợ chồng anh phần ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án anh không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng đến phiên tòa hôm nay anh nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn chị T.

Anh với chị Trần Thị Bạch T có 02 người con chung tên là Bùi Thị Thùy T, sinh ngày 23/11/2009 và Bùi Thị N, sinh ngày 29/01/2016. Hiện nay sức khỏe các cháu phát triển bình thường, cháu N đang ở với anh, còn cháu T đang ở với chị T. Khi ly hôn anh xin nhận nuôi cháu N, giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của chị T, anh K kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị T với anh K; giao con chung là cháu Bùi Thị Thùy T, sinh ngày 23/11/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Thị N, sinh ngày 29/01/2016 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị Bạch T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Quang K. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị T được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn anh Bùi Quang K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Chị Trần Thị Bạch T với anh Bùi Quang K tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 26/3/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh K được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn chị Trần Thị Bạch T trình bày:

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến khi sinh được hai người con thì phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng cố gắng để nín kéo tình cảm nhưng mâu thuẫn không được cải thiện mà ngày càng nghiêm trọng hơn. Từ năm 2022 cho đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống hôn

nhân, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay vợ chồng chỉ phần ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Quang K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh K mong muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Khánh nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh K vẫn mặt không có lý do. Tại phiên tòa, anh K cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn nghiêm trọng không thể hàn gắn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh K đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự thống nhất ly hôn nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bạch T với anh Bùi Quang K.

[2.3]. Về con chung:

Chị Trần Thị Bạch T với anh Bùi Quang K có 02 người con chung tên là Bùi Thị Thùy T, sinh ngày 23/11/2009 và Bùi Thị N, sinh ngày 29/01/2016. Hiện tại sức khỏe cháu T, cháu N phát triển bình thường, cháu T đang ở với chị T, còn cháu N đang ở với anh K. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì khi ly hôn chị T xin nhận nuôi cháu T, anh K xin nhận nuôi cháu N. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu giải quyết quan hệ con chung của chị T, anh K, Hội đồng xét xử thấy rằng: việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con để con được phát triển bình thường. Cháu T đang ở với chị T, còn cháu N đang ở với anh K, nguyện vọng cháu T mong muốn được ở với mẹ, nguyện vọng cháu N muốn được ở với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Thị Thùy T, sinh ngày 23/11/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Thị N, sinh ngày 29/01/2016 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị Trần Thị Bạch T phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 207, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 55, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bạch T về việc yêu cầu ly hôn anh Bùi Quang K.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bạch T với anh Bùi Quang K.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị Bạch T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Thùy T, sinh ngày 23/11/2009 và giao cho anh Bùi Quang K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị N, sinh ngày 29/01/2016. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Chị Trần Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 000.... ngày 20/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nay được khấu trừ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Phù Cát (02b);
- Chi cục THA dân sự huyện Phù Cát;
- UBND xã C, H. P;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh